**Mẫu 4.1**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT DỰ ÁN**

**thuộc Chương trình Dược liệu**

#### A. Tóm tắt thông tin về dự án đã được phê duyệt và đã được điều chỉnh

#### *(Phần này lấy từ thuyết minh dự án và các văn bản điều chỉnh của các cơ quan quản lý có thẩm quyền như UBND tỉnh, thành phố, Bộ Y tế).*

1. Thông tin chung về dự án (cơ quan chủ quản chương trình, cơ quan quản lý dự án, đơn vị chủ trì liên kết, chủ nhiệm dự án, đơn vị chuyển giao công nghệ, thời gian thực hiện dự án, cấp quản lý…)

2. Mục tiêu (theo thuyết minh đã được phê duyệt)

3. Nội dung (theo thuyết minh đã được phê duyệt)

4. Sản phẩm và chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, chất lượng, quy mô của sản phẩm theo hợp đồng, thuyết minh dự án đã được phê duyệt và điều chỉnh (nếu có).

##### B. Kết quả triển khai thực hiện dự án

**I. Công tác tổ chức, quản lý điều hành để triển khai thực hiện dự án**

1. Tình hình chung

2. Thành lập Ban quản lý dự án ở các cấp

3. Chọn điểm, chọn đối tượng, chọn hộ để tiếp nhận và triển khai thực hiện các nội dung của dự án v.v…).

**II. Kết quả thực hiện các nội dung**

1. Điều tra, khảo sát bổ sung thực trạng tại vùng dự án (nếu có)

2. Công tác chuyển giao kỹ thuật công nghệ (nếu có)

3. Công tác đào tạo kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn

4. Xây dựng các vùng nguyên liệu và nhà xưởng chế biến bảo quản dược liệu

4.1. Vùng trồng dược liệu 1….....

4.2. Vùng trồng dược liệu 2 .....

4.3. Vùng trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao

4.4. Nhà xưởng chế biến, bảo quản (diện tích, dây truyền công nghê…\_

5. Công tác thu hút cán bộ trẻ, cán bộ tình nguyện đến làm việc thường xuyên tại các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số để hướng dẫn, chuyển giao công nghệ trong quá trình thực hiện dự án (nếu có)

6. Tình hình sử dụng lao động

6.1. Lao động trực tiếp sản xuất: lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên, lao động phổ thông

6.2. Lao động gián tiếp: lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên, lao động phổ thông

7. Quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, huy động đối ứng từ các thành phần kinh tế để thực hiện dự án

7.1 Sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đến này nghiệm thu

7.2 Sử dụng kinh phí nguồn khác đến ngày nghiệm thu so với thuyết minh đã được phê duyệt

7.3 Doanh thu hàng năm

7.4 Lợi nhuận dòng hàng năm

8. Tổ chức thị trường tiêu thụ sản phẩm của dự án (chuỗi giá trị dược liệu được hình thành từ vùng trồng đến sản phẩm cuối cùng đã tham gia hệ thống truy xuất nguồn gốc xuất xứ và xúc tiến thương mại điện tử….)

9. Thông tin tuyên truyền và biện pháp khuyến khích nhân rộng kết quả của dự án

10. Tổng hợp kết quả đạt được của các nội dung so với hợp đồng và thuyết minh dự án

*10.1. Về quy mô và số lượng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Sản phẩm** | **Đơn vị tính** | **Số lượng, quy mô theo hợp đồng và thuyết minh** | **Số lượng, quy mô thực hiện** | **% thực hiện** |
| 1 | Sản phẩm . |  |  |  |  |
| 2 | Sản phẩm |  |  |  |  |
|  | ................ |  |  |  |  |

*10.2. Về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chất lượng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Sản phẩm** | **Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chất lượng theo hợp đồng và thuyết minh** | **Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chất lượng đạt được** |
| 1 | Sản phẩm . |  |  |
| 2 | Sản phẩm |  |  |
|  | ................ |  |  |

**III. Phân tích đánh giá kết quả đạt được của dự án theo các nội dung**

1. Công tác chuyển giao kỹ thuật công nghệ *(mức độ làm chủ được công nghệ của người dân tham gia dự án, tiếp nhận công nghệ, kết quả triển khai thực hiện phù hợp với địa bàn...)*

2. Mức độ thực hiện nội dung và quy mô so với hợp đồng *(nội dung và quy mô đã thực hiện được so với nội dung và quy mô đã đăng ký tại thuyết minh dự án và hợp đồng đã ký)*

3. Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án *(phối hợp giữa chủ trì liên kết, thành viên liên kết,cơ quan chuyển giao công nghệ và địa bàn tiếp nhận dự án, phương pháp tổ chức triển khai thực hiện dự án...)*

4. Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí vốn vay ngân hành chính sách, vốn huy động khác đối ứng để thực hiện dự án *(kinh phí dự án được sử dụng đúng mục đích và chi theo đúng quy định của Nhà nước, huy động nguồn kinh phí đối ứng cho dự án...)*

5. Hiệu quả kinh tế – xã hội và môi trường của dự án *(tính toán và phân tích hiệu quả trực tiếp từ kết quả dự án và hiệu quả đối với xã hội và môi trường của dự án; nhận thức người dân; giải quyết vấn đề lao động địa phương; mức thu nhập trước và sau khi thực hiện dự án; tính phù hợp, đáp ứng về các tiêu chuẩn kỹ thuật. Bình quân thu nhập trước à sau khi có dự án; năng suất và diện tích canh tác trước và sau khi có dự án hoặc trong mô hình so với đại trà đối với trồng trọt; sản lượng hoặc số lượng thu được trước và sau khi có dự án đối dược liệu; doanh thu trước và sau khi có dự án đối với doanh nghiệp, chủ trì liên kết, thành viên liên kết…; có thể căn cứ tùy theo nội dung của dự án để đánh giá)*

6. Tính bền vững, phát triển và nhân rộng kết quả của dự án *(phương án duy trì và nhân rộng của dự án vào các địa bàn tương tự;*

7. Đánh giá tiềm lực của đơn vị chủ trì liên kết, các thành viên liên kết trước và sau khi triển khai dự án *(theo hướng khả năng duy trì và mở rộng quy mô dự án (tiềm lực về con người như số lượng đã được đào tạo, tập huấn, trình độ công nghệ; doanh thu của đơn vị; công nghệ đã được tiếp nhận và làm chủ; tiềm lực về vật chất như trang thiết bị, cơ sở vật chất đã được trang bị trong quá trình thực hiện dự án)*

**C. Kết luận và kiến nghị**

**I. Kết luận** *(thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai dự án, duy trì và nhân rộng kết quả thực hiện dự án; đề xuất và kiến nghị, đặc biệt kiến nghị về cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án cùng thực hiện trên địa bàn, duy trì và nhân rộng kết quả thực hiện dự án).*

**II. Kiến nghị và đề xuất**

1. Về cơ chế chính sách;

2. Về tổ chức quản lý:...

3. Khác:…..

*........,ngày.......tháng......năm........*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ nhiệm dự án**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **Đơn vị chủ trì liên kết**  *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu B4.2**

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**Nơi nhận báo cáo:**

1. Cơ quan quản lý dự án (UBND huyện ................)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.** | **Tên Dự án:**  ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................  .................................................................................................... | | **2.** | **Ngày báo cáo**  .../ ..../20..  Kỳ: ........ |
|  |  |
| **3.** | **Chủ trì liên kết:** | | | |
| **4.** | **Chủ nhiệm Dự án:** | | | |
| **5.** | **Thành viên liên kết/Hộ gia đình/Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ:** | | | |
| **6.** | **Thời gian thực hiện:** ... tháng từ .... /..../200.. đến ... /..../200.. | | | |
| **7.** | **Tổng kinh phí thực hiện:** ............ triệu đồng,  trong đó kinh phí  - Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: ………. triệu đồng  - Vốn vay tín dụng ngân hàng chính sách xã hội: ………….triệu đồng  - Nguồn khác: …………triệu đồng | | | |
| **8.** | **Công việc chính đã được thực hiện**: tính từ ngày...../...../20... đến kỳ báo cáo so với kế hoạch đề ra: | | | |
|  | Kế hoạch ................................................................  .......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... | Thực hiên  ........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **9.** | | | **Số lượng nội dung, sản phẩm cụ thể đã hoàn thành đến ngày báo cáo:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **9.1. Các nội dung** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | | | | | | | | **Tên sản phẩm** | | | | | | | **Số lượng** | | | | | | | | | | **Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu và quy mô đạt được so với kế hoạch**  **đề ra** | | | | | | | | | | | **Ghi chú** | | | |
| **Kế hoạch** | | | | | **Thực hiện** | | | | |
| 1 | | | | | | | | Cơ sở hạ tầng vùng vùng nguyên liệu  - .........  - ........ | | | | | | |  | | | | |  | | | | |  | | | | | | | | | | |  | | | |
| 2 | | | | | | | | Nhà xưởng, ....... | | | | | | |  | | | | |  | | | | |  | | | | | | | | | | |  | | | |
| ......... | | | | | | | | Vùng nguyên liệu ......................... | | | | | | |  | | | | |  | | | | |  | | | | | | | | | | |  | | | |
| **9.2.** **Danh mục sản phẩm cụ thể dự án tạo ra** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | | | | | | | **Tên sản phẩm** | | | | | **Đơn vị tính** | | | | | **Số lượng**  **sản phẩm** | | | | | | | | | | | **Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu so với kế hoạch đề ra** | | | | | | | **Ghi chú** | | |
| Kế hoạch | | | | | Thực hiện | | | | | |
| 1 | | | | | | | Sản phẩm ..... | | | | |  | | | | |  | | | | |  | | | | | |  | | | | | | |  | | |
| 2 | | | | | | | Sản phẩm ..... | | | | |  | | | | |  | | | | |  | | | | | |  | | | | | | |  | | |
| .... | | | | | | | .......... | | | | |  | | | | |  | | | | |  | | | | | |  | | | | | | |  | | |
| 4 | | | | | | | Đào tạo kỹ thuật viên cơ sở | | | | |  | | | | |  | | | | |  | | | | | |  | | | | | | |  | | |
| 5 | | | | | | | Tập huấn nông dân | | | | |  | | | | |  | | | | |  | | | | | |  | | | | | | |  | | |
| ....... | | | | | | | ........ | | | | |  | | | | |  | | | | |  | | | | | |  | | | | | | |  | | |
| **9.3.** **Danh mục tài sản cố định mua sắm bằng kinh phí của dự án** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | | | | | | | | | | **Tên tài sản** | | | | **Số lượng** | | | | | | | | | | | | **Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu và quy mô** | | | | | | | | **Ghi chú** | | | |
| Kế hoạch | | | | | Thực hiện | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | | | - Máy móc, thiết bị | | | |  | | | | |  | | | | | | |  | | | | | | | |  | | | |
| 2 | | | | | | | | | | - Dây chuyền công nghệ | | | |  | | | | |  | | | | | | |  | | | | | | | |  | | | |
| 3 | | | | | | | | | | - Nhà xưởng | | | |  | | | | |  | | | | | | |  | | | | | | | |  | | | |
| .... | | | | | | | | | | .......... | | | |  | | | | |  | | | | | | |  | | | | | | | |  | | | |
|  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **9.4.** **Kết quả nhân rộng sản phẩm của dự án** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | | | | | | | | | **Tên sản phẩm** | | | | **Đơn vị tính** | | | | | **Số lượng**  **sản phẩm** | | | | | | | | | | | | | **Ghi chú** | | | | | | |
| **Qui mô theo dự án đăng ký** | | | | | | | | | **Kết quả nhân rộng** | | | |
| 1 | | | | | | | | | Mô hình ... | | | |  | | | | |  | | | | | | | | |  | | | |  | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | Mô hình ... | | | |  | | | | |  | | | | | | | | |  | | | |  | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | Sản phẩm ..... | | | |  | | | | |  | | | | | | | | |  | | | |  | | | | | | |
| 4 | | | | | | | | | Sản phẩm ..... | | | |  | | | | |  | | | | | | | | |  | | | |  | | | | | | |
| 5 | | | | | | | | | ........ | | | |  | | | | |  | | | | | | | | |  | | | |  | | | | | | |
|  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **10**. | | **Nhận xét và đánh giá kết quả đạt được (trong thời gian liên quan đến báo cáo)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .  . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **11.** | | | | **Kinh phí** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | |
| a) Kinh phí Ngân sách nhà nước:  - Kinh phí đã được cấp: ...............triệu đồng  - Kinh phí đã sử dụng: ...............triệu đồng  b) Nguồn vốn vay từ ngân hành chính sách:  - Kinh phí đã được cấp: ...............triệu đồng  -Kinh phí đã sử dụng: ...............triệu đồng  c) Nguồn khác:..........triệu đồng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **12**. | | ***Tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện Dự án tính đến kỳ báo cáo***  ***Triệu đồng*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | |
| **TT** | | | | | | **Nội dung** | | | | | **Tổng số kinh phí đã sử dụng** | | | | | **Trong đó** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | | | | | |  | | | | | **Chuyển giao công nghệ, đào tạo và tập huấn** | | | | | | | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | | | | | | **Thiết bị, máy móc** | **Xây dựng cơ bản** | | | **Công lao động** | | | | **Chi khác** |
| 1 | | | | | 2 | | | | | | 3 | | | | | 4 | | | | | | | 5 | | | | | | 6 | 7 | | | 8 | | | | 9 |
|  | | | | |  | | | | | |  | | | | |  | | | | | | |  | | | | | |  |  | |  |  | | | |  |
|  | | | | | **Tổng kinh phí** | | | | | |  | | | | |  | | | | | | |  | | | | | |  |  | |  |  | | | |  |
|  | | | | | Trong đó: | | | | | |  | | | | |  | | | | | | |  | | | | | |  |  | |  |  | | | |  |
|  | | | | | ***1) Ngân sách nhà nước*** | | | | | |  | | | | |  | | | | | | |  | | | | | |  |  | |  |  | | | |  |
|  | | | | |  | | | | | |  | | | | |  | | | | | | |  | | | | | |  |  | |  |  | | | |  |
|  | | | | | ***2) Vốn vay NHCHXH*** | | | | | |  | | | | |  | | | | | | |  | | | | | |  |  | |  |  | | | |  |
|  | | | | | ***3) Các nguồn vốn khác*** | | | | | |  | | | | |  | | | | | | |  | | | | | |  |  | |  |  | | | |  |
|  | | | | | - | | | | | |  | | | | |  | | | | | | |  | | | | | |  |  | |  |  | | | |  |
|  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | Các khoản chi lớn trong thời gian liên quan đến báo cáo  .............................................................................................................................  ............................................................................................................................  ........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **13** | **Những vấn đề tồn tại cần giải quyết** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .  . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .  . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **14**. | **Dự kiến những công việc cần triển khai tiếp trong thời gian tới** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **15.** | **Kết luận, kiến nghị** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - *Kiến nghị liên quan tới tổ chức thực hiện;*  *- Kiến nghị về việc cấp kinh phí cho đơn vị chủ trì/đơn vị hỗ trợ ứng dụng công nghệ;*  *- Kiến nghị khác (nếu có).* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Cơ quan quản lý dự án**  *(Ký tên, đóng dấu)* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | **Đơn vị chủ trì liên kết**  *(Ký tên, đóng dấu)* | | | | | | | | | | | | | | | | | |

**Mẫu B4.3**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND huyện …..  **ĐƠN VỊ QUẢN LÝ KINH PHÍ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *………., ngày tháng năm ….* |

**BIÊN BẢN**

**Kiểm tra tiến độ và xác định khối lượng triển khai thực hiện dự án**

**thuộc Chương trình Dược liệu**

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/09/2022 của Bộ Y hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Hợp đồng thực hiện dự án số PTDL/CTMTQG..........., ngày ..... đã được ký kết giữa Đơn vị quản lý dự án....... với (Đơn vị chủ trì liên kết) và (Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ)

UBND Huyện... tổ chức đoàn kiểm tra đối với dự án: ........ thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do ............làm chủ trình liên kết, và các thành viên liên kết......

***Nội dung kiểm tra:***

- Tiến độ thực hiện nội dung, khối lượng các hạ mục của dự án theo kế hoạch so với thuyết minh đã được phê duyệt và Hợp đồng đã được ký kết giữa các bên;

- Tình hình thực hiện các quy chế quản lý và triển khai thực hiện các nội dung theo hợp đồng.

- Tình hình tiếp nhận và sử dụng kinh phí;

- Tình hình thực hiện chế độ báo cáo.

Thành phần Đoàn kiểm tra gồm:

*Đơn vị quản lý dự án (trưởng đoàn):*

*Đại diện Cơ quan chủ quản chương trình:*

*Đại diện Đơn vị Chủ trì/thành viên liên kết dự án:*

*Đại diện Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ:*

Căn cứ báo cáo của Chủ nhiệm dự án, đại diện Đơn vị chủ trì liên kết, đại diện Tổ chức chuyển giao công nghệ, ý kiến của Đơn vị quản lý dự án và thực tế kiểm tra một số mô hình của dự án, Đoàn đã trao đổi và thống nhất một số vấn đề như sau:

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN:**

1. Về tiến độ triển khai thực hiện các nội dung dự án:

2. Về tài chính (tiếp nhận và sử dụng kinh phí):

2.1. Tình hình tiếp nhận kinh phí:

2.2. Tình hình sử dụng kinh phí:

Công tác kế toán (*việc mở các sổ sách để theo dõi chi tiêu của dự án; việc lập và lưu trữ chứng từ; việc thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo quy định*):

- Ngân sách nhà nước:

- Vốn vay NHCSXH:

- Nguồn khác:

**II. KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:**

*1. Kiến nghị về tiến độ và các nội dung của dự án*

*2. Kiến nghị về các vấn đề phát sinh của dự án*

*3. Kiến nghị về việc cấp kinh phí cho Đơn vị chủ trì/ thành viên liên kết*

*4. Kiến nghị về việc cấp kinh phí cho Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ*

Biên bản được lập thành 12 bản có giá trị như nhau. Cơ quan chủ quản chương trìn giữ 02 bản, Đơn vị quản lý kinh phí giữ 06 bản, Đơn vị chủ trì dự án giữ 02 bản, Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ giữ 02 bản.

**Mẫu B4.4**

**PHƯƠNG THỨC, QUY TRÌNH LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU CHÍNH THỨC KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**I. Thành phần hội đồng thẩm định dự án**

Thành phần hội đồng bao gồm: Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc lãnh đạo sở ban ngành theo ủy quyền và các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, ban dân tộc, nông nghiệp, y tế, xây dựng, tài nguyên môi trường, lãnh đạo Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, chuyên gia độc lập.

Cá nhân là người thuộc đơn vị chủ trì liên kết, thành viên liên kết, tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ cho dự án và cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện dự án không được tham gia Hội đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh cử các thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của Hội đồng.

**II. Phương thức làm việc**

1. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của hội đồng, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch và các ủy viên phản biện.

2. Thành viên hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu do Cơ quan chủ trì nội dung dược liệu của tỉnh chuẩn bị và cho ý kiến nhận xét đánh giá nghiệm thu Dự án theo mẫu B 4.5 .

3. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên của hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.

4. Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký của hội đồng tổng hợp để hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của hội đồng. Thành viên hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của hội đồng.

**III. Quy trình làm việc**

1. Thư ký hành chính của Hội đồng nêu lý do họp Hội đồng, đọc quyết định thành lập Hội đồng và giới thiệu các đại biểu tham dự. Thông báo về thời điểm nộp hồ sơ nghiệm thu theo quy định; thông báo nguyên tắc chấm điểm, xếp loại dự án theo phương thức bỏ phiếu.

2. Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó chủ tịch Hội đồng (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) chủ trì phiên họp Hội đồng.

3. Hội đồng bầu 01 thành viên trong Hội đồng làm thư ký Hội đồng.

4. Thư ký Hội đồng đọc bản nhận xét đánh giá của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

5. Hội đồng thảo luận, nhận xét, đánh giá chính thức kết quả thực hiện dự án theo Hợp đồng đã ký. Việc đánh giá của các thành viên Hội đồng theo Mẫu B 4.5.

6. Hội đồng chấm điểm và xếp loại dự án.

Thành viên Hội đồng đánh giá kết quả dự án theo thang điểm đã quy định được ghi trên phiếu. Hội đồng tiến hành chấm điểm, xếp loại dự án theo phương thức bỏ phiếu kín. Những phiếu hợp lệ là những phiếu cho điểm bằng hoặc thấp hơn điểm tối đa đã ghi trên phiếu tương ứng cho từng chỉ tiêu đánh giá.

7. Phiên họp Hội đồng có Ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu gồm có 03 thành viên do hội đồng bầu.

Ban kiểm phiếu và cơ quan tổ chức đánh giá nghiệm thu dự án phải có trách nhiệm giữ bí mật các thông tin về việc chấm điểm và đánh giá xếp loại dự án của các thành viên hội đồng.

8. Kết luận của Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tổng hợp ý kiến và kết luận đánh giá kết quả thực hiện dự án theo từng nội dung đã được quy định trong mẫu biên bản.

9. Hội đồng thảo luận để thông qua từng nội dung kết luận của Hội đồng.

10. Thư ký công bố kết quả dự án sau khi đã tổng hợp các ý kiến của thành viên Hội đồng.

11. Trong trường hợp kết quả dự án được đánh giá ở mức “không đạt” Hội đồng xem xét, xác định những nội dung công việc đã thực hiện được so với hợp đồng làm căn cứ để các cơ quan quản lý có thẩm quyền xem xét và xử lý./.

**Mẫu B4.5**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND tỉnh ....  **HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**  *..........., ngày........tháng........năm........* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU CHÍNH THỨC KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ**

**1. Tên Dự án:**

**2. Tên đơn vị chủ trì/thanh viên liên kết Dự án**

*Chủ trì liên kết:*

*Thanh viên liên kết:*

*Đơn vị hỗ trợ chuyển giao khoa học công nghệ (nếu có)*

**3. Họ và tên thành viên Hội đồng** *(có thể ghi hoặc không)***:**

Chức danh trong Hội đồng:

**4. Đánh giá kết quả của dự án:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *TT* | *Chỉ tiêu đánh giá* | *Đạt* | *Không đạt* |
|  | Đánh giá về số lượng chủng loại sản phẩm, kết quả thực hiện dự án đạt được so với thuyết minh dự án và hợp đồng đã ký. |  |  |
|  | Mức độ hoàn thành các nội dung và quy mô đã đề ra của dự án:  *- Nội dung và quy mô đã thực hiện được so với nội dung và quy mô đã đăng ký tại thuyết minh dự án và hợp đồng đã ký.* |  |  |
|  | Mức độ đáp ứng tiến độ thực hiện dự án  *- Đáp ứng hoặc vượt mức tiến độ theo Hợp đồng đã ký.*  *- Chậm tiếp độ dưới 6 tháng.* |  |  |
|  | Phương pháp tổ chức, quản lý và chỉ đạo thực hiện dự án *(phối hợp giữa cơ quan chủ trì liên kết, thành viên liên kết, cơ quan chuyển giao công nghệ và địa bàn tiếp nhận dự án, phương pháp tổ chức, quản lý triển khai thực hiện dự án...)* |  |  |
|  | Quản lý tài chính dự án *(có xác nhận về tình hình sử dụng kinh phí dự án của đơn vị quản lý kinh phí)* |  |  |
|  | Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của dự án: *(hiệu quả trực tiếp từ kết quả dự án và hiệu quả đối với xã hội của dự án)* |  |  |
|  | Khả năng duy trì, phát triển và nhân rộng kết quả của dự án sau khi kết thúc:  *- Chứng minh được khả năng duy trì kết quả dự án*  *- Phương án mở rộng hoặc nhân rộng mô hình của dự án vào các địa bàn tương tự* |  |  |
|  | Tổng số |  |  |

**5. Đánh giá tình trạng vi phạm các quy định:**

+ Chậm tiến độ thực hiện dự án trên 6 tháng mà không được cấp thẩm quyền gia hạn;

+ Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền).

**6. Đánh giá và xếp loại**

*- Nhận xét chung:*

*- Xếp loại : Đạt Không Đạt*

**7. Các ý kiến lưu ý, bổ sung** (nếu có):

-

-

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Thành viên hội đông**  *(Chữ ký và họ tên )* |

**Mẫu B4.6**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH….  **HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *............,ngày tháng năm* |

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN**

**ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU CHÍNH THỨC KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ**

1. **Những thông tin chung**
2. Tên dự án:
3. Đơn vị chủ trì liên kết/thành viên liên kết

- Chủ trì liên kết

- Thành viên liên kết

1. Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ (nếu có):

1. Thời gian thực hiện dự án:

Hợp đồng số: ngày tháng năm

1. Tổng kinh phí thực hiện dự án:

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

- Vốn vay ngân hàng Chính sách xã hội:

- Kinh phí nguồn khác:

Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu dự án …..số:............/QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND tỉnh……

1. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

- Địa điểm:

- Thời gian: ngày tháng năm

1. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên Hội đồng........../...........; vắng............thành viên, gồm các thành viên:

1. Khách mời:

**B. Nội dung làm việc của Hội đồng**

1. Hội đồng đã kiểm tra hồ sơ của dự án (theo hợp đồng đã ký), đã nghe các uỷ viên phản biện đọc bản nhận xét, phân tích kết quả dự án.

Thư ký Hội đồng đã đọc bản nhận xét đánh giá kết quả dự án của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận kỹ kết quả của dự án theo báo cáo tổng kết dự án và đối chiếu với hợp đồng và thuyết minh đã được phê duyệt.

Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện dự án:

a) Chủng loại, số lượng sản phẩm so với hợp đồng và thuyết minh dự án

b) Mức độ thực hiện nội dung và quy mô so với hợp đồng

c) Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án

d) Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện dự án

e) Kết quả công tác chuyển giao công nghệ, sự phối hợp của cơ quan chuyển giao công nghệ trong việc tổ chức thực hiện dự án và năng lực của đơn vị chuyển giao công nghệ

f) Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của dự án

g) Khả năng duy trì, phát triển và nhân rộng kết quả của dự án

3. Hội đồng đã đánh giá, xếp loại và bỏ phiếu đánh giá.

4. Tình trạng vi phạm các quy định:

- Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực: có ; không ;

- Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền):

có ; không ;

+ Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung: có ; không ;

1. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá Hồ sơ dự án.
2. Ban kiểm phiếu đã làm việc và kết quả như sau:
3. Số phiếu phát ra:
4. Số phiếu thu về:
5. Số phiếu hợp lệ:
6. Số phiếu không hợp lệ:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Họ tên các thành viên Hội đồng và điểm đánh giá tương ứng | | | | | | | | Số phiếu Đạt/không đạt |
| Họ và tên |  |  |  |  |  |  |  |
| Kết quả đánh giá |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, dự án được đánh giá: Đạt / không đạt

8. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký Hội đồng**  *(Chữ ký và họ tên)* | *........., ngày tháng năm……..*  **Chủ tịch Hội đồng**  *(Chữ ký và họ tên)* |

**Mẫu B4.7**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ**  **CHỦ TRÌ LIÊN KẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *…, ngày........tháng........năm..........* |

**BÁO CÁO GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN CỦA HỘI ĐỒNG**

**I. Thông tin chung**

1. Tên dự án:

2. Chủ nhiệm dự án:

3. Đơn vị chủ trì liên kết/thành viên liên kết.

4. Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ (nếu có)

4. Quyết định thành lập hội đồng:

Thời gian họp:

**II. Giải trình ý kiến theo kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu:**

1. Những vấn đề, nội dung đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện vào trong hồ sơ đánh giá nghiệm thu *(Liệt kê và trình bày lần lượt các vấn đề cần hoàn thiện theo ý kiến kết luận của hội đồng)*:

2. Những vấn đề bổ sung mới:

3. Những vấn đề chưa hoàn thiện được hoặc bảo lưu ý kiến của tổ chức chủ trì *(nêu rõ lý do)*:

**III. Kiến nghị của chủ nhiệm và Tổ chức chủ trì dự án *(nếu có)*:**

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA**  **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**  *(Họ, tên và chữ ký)* |